**BỆNH VIỆN ĐK PHƯƠNG ĐÔNG**

KHOA: PHỤ SẢN PHÒNG:

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG**

**(Dùng cho phụ nữ mang thai)**

Họ và tên: nguyễn thị a Tuổi: 25

Tuổi thai: 38 tuần 5 ngày, theo □ kinh cuối ⮽ Siêu âm 3 tháng đầu thai kỳ

Chẩn đoán: Thai 38 tuần 5 ngày/ Mổ đẻ cũ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cân nặng trước mang thai: | 56 | kg | Chiều cao: | 1.58 | m | BMI trước mang thai: | 22.4 | kg/m2 |
| Cân nặng hiện tại: | 75 | kg |  |  |  | Cân nặng lý tưởng: | 52.4 | kg |

**1. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BMI trước mang thai** | 18.5-24.9  ≥25  <18.5 | **0 điểm**  **1 điểm**  **2 điểm** |
| **Chu vi vòng cánh tay (cm)** | ≥23  <23 | **0 điểm**  **2 điểm** |
| **Tốc độ tăng cân** | Tăng cân theo khuyến nghị  Tăng cân trên hoặc dưới mức khuyến nghị | **0 điểm**  **1 điểm** |
| **Bệnh kèm theo liên quan dinh dưỡng** | Không  Tăng huyết áp, đái tháo đường, nghén nặng, thiếu máu dinh dưỡng, bệnh lý đường tiêu hoá | **0 điểm**  **1 điểm** |
| **Kết luận** | < 2 điểm  ≥2 điểm | **Bình thường**  **Có nguy cơ về dinh dưỡng** |

**2. Kế hoạch can thiệp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chỉ định chế độ ăn | Mã số: SK02 – Cơm, Cháo |  |
| Đường nuôi ăn | Đường miệng  Ống thông  Tĩnh mạch |  |
| Mời hội chẩn dinh dưỡng | Có  Không |  |
| Tái đánh giá | Sau 7 ngày (\*PNMT không cần can thiệp dinh dưỡng)  Sau 3 ngày ((\*PNMT cần can thiệp dinh dưỡng) |  |

|  |  |
| --- | --- |
| \*PNMT: Phụ nữ mang thai | **Ngày 21 Tháng 03 Năm 2024**  **Bác sĩ khám bệnh**  **(Ký, ghi rõ họ tên)** |

